

CHỦ QUYỀN VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA TRÊN BIỂN ĐÔNG QUA TƯ LIỆU LỊCH SỬ, PHÁP LÝ VÀ QUAN ĐIỂM NHẤT QUÁN CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN VĂN LAN*

Biển Đông là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương và toàn thế giới, là tuyến hàng hải huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Đây còn là nơi chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên phong phú. Hoàng Sa, Trường Sa là hai quần đảo ở ngoài khơi Biển Đông. Ít nhất, từ thế kỷ XVII đến nay, Việt Nam là quốc gia duy nhất thực thi chủ quyền một cách liên tục và hòa bình đối với hai quần đảo này.

1. Vị trí địa - chiến lược của biển, đảo Việt Nam trong tổng thể Biển Đông

Biển Đông được bao bọc bởi 10 nước và vùng lãnh thổ¹, trong đó Việt Nam là quốc gia có vị trí quan trọng ở vùng biển này. Đây là vùng biển có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của trên 300 triệu dân, là “yết hầu” của tuyến đường biển giao lưu và thương mại quốc tế giữa Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, vị trí cầu nối giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Trong số 10 tuyến đường biển lớn nhất thế giới hiện nay, có 5 tuyến đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông. Đây cũng là vùng biển có tần suất hoạt động của tàu thuyền vào loại nhì thế giới. Trung bình mỗi ngày có khoảng gần 300

tàu biển các loại đi qua. Hàng năm có khoảng 30% hàng hóa và dịch vụ của thế giới đi qua Biển Đông, trong đó, 60% trong số này là hàng xuất nhập khẩu của Trung Quốc; 40% lượng hàng hóa xuất khẩu và 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu của Nhật Bản. Chính vì vậy, từ lâu các nước khu vực Biển Đông và các cường quốc hàng hải luôn coi vùng biển này là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển và an ninh, làm cho Biển Đông, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam luôn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp.

Về vị trí địa lý, quần đảo Hoàng Sa cách Đảo Ré - Đảo ven bờ Việt Nam và cách Đà Nẵng 120 hải lý về phía Đông; quần đảo Trường Sa cách vịnh Cam Ranh khoảng 250 hải lý về phía Đông. Cùng với những tư liệu lịch sử quan trọng của Việt Nam như các ấn phẩm sách và bản đồ cổ về địa lý của Việt Nam ghi nhận về Bãi Cát Vàng, Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa hay Vạn lý Trường Sa (được dùng để chỉ chung cả Hoàng Sa và Trường Sa) là lãnh thổ Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII. Hầu hết bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp... từ thế kỷ XVI đến XVIII đều vẽ chung quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa làm một với tên gọi Pracel, Parcel hoặc Paracels². Đến cuối thế kỷ XVIII, từ năm 1787 đến 1788, đoàn khảo sát Kergariou - Locmaria mới xác định chính xác vị trí quần đảo

*Học viện Chính trị khu vực III

Hoàng Sa (Paracel) và phân biệt với quần đảo Trường Sa ở phía Nam, cả hai đều ở giữa Biển Đông, phía Đông Việt Nam, bên ngoài đảo ven bờ của Việt Nam như hiện nay.

Thực tế, khu vực Biển Đông đã và đang có sự tranh chấp gay gắt. Trong số 10 nước và vùng lãnh thổ ven bờ Biển Đông, thì 9 nước có yêu sách về chủ quyền biển, đảo, tạo nên tranh chấp đa phương, song phương, chưa đựng các mâu thuẫn cả về kinh tế, đối ngoại và an ninh. Đó là, tranh chấp về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Đó là, tranh chấp tài nguyên mà thể hiện rõ là các hoạt động khai thác, thăm dò trái phép, đánh bắt trộm hải sản, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam. Đó là, tranh chấp đảo và bãi đá ngầm, tranh chấp vùng trời gắn liền với vùng lãnh thổ biển (vùng thông báo bay - FIR). Đây là những vấn đề đã và đang đặt ra về bảo vệ chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Việt Nam.

2. Cơ sở lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Theo dòng lịch sử, Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ đã sở hữu, thực hiện chủ quyền trên thực tế đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa một cách liên tục và hòa bình.

Các nguồn tư liệu của Việt Nam, gồm tư liệu chính thức của Nhà nước và tư liệu trong dân gian; thư tịch cổ; các di tích, di vật, các tư liệu địa danh (khu vực Sa Kỳ - Lý Sơn), tư liệu thư tịch, văn hóa, văn học dân gian... đều phản ánh khách quan, trung thực và thống nhất lịch sử chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Trong đó, ở thế kỷ XIX, tư liệu có giá trị lịch sử, pháp lý cao nhất là Châu bản và Mộc bản triều Nguyễn. Về Châu bản triều Nguyễn, đây là các bản tấu, sớ của triều đình nhà Nguyễn từ năm 1802 đến trước tháng 8 - 1945 đã được nhà vua “ngự phê”, “ngự lâm”. Trong 734 tập Châu bản triều Nguyễn còn lại, có 19 Châu bản phản ánh hoạt động trên thực tế, cụ thể về chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa dưới các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức³. Đây là các tư liệu nguyên gốc và cao nhất của nhà Nguyễn, được viết ra trong quá trình hoạt động của nhà nước, phản ánh khách quan,

trung thực tư tưởng chính trị, chủ trương, chính sách về chủ quyền đất nước của các vương triều trong các hoạt động đối nội, đối ngoại. Đây không chỉ là tư liệu lịch sử pháp lý vô giá của Việt Nam mà còn có giá trị quốc tế. Vì thế, ngày 14 - 5 - 2014, tại Quảng Châu, Trung Quốc, UNESCO đã chính thức công nhận Châu bản triều Nguyễn của Việt Nam là Di sản tư liệu, ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Về Mộc bản triều Nguyễn, đây là bản khắc gỗ bộ Quốc sử triều Nguyễn Đại Nam thực lục Tiền biên và Chính biên, được biên soạn từ những năm đầu đời vua Gia Long, hoàn thành năm Đồng Khánh thứ 3 (1888)⁴, được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới.

Qua nghiên cứu tư liệu khác nhau trong lịch sử cho thấy, các nguồn tư liệu lịch sử, pháp lý rất phong phú, đa dạng và khá thống nhất. Trong đó, nguồn thư tịch cổ Việt Nam đều thống nhất với bản đồ cổ, tư liệu ở các địa phương của nước ta, cũng như các nguồn tư liệu phương Đông và phương Tây. Tư liệu đã khẳng định, Việt Nam là nước duy nhất trong khu vực sở hữu quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ khi hai quần đảo này là vùng đất chưa có chủ và đã thực thi chủ quyền liên tục, đầy đủ, trọn vẹn, hòa bình trong nhiều thế kỷ dưới danh nghĩa nhà nước và không có bất cứ một quốc gia nào tranh chấp hay phản đối.

Bên cạnh dòng lịch sử Việt Nam, nhiều tư liệu lịch sử, pháp lý của quốc tế đã trực tiếp hay gián tiếp khẳng định chủ quyền không tách rời của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đầu thế kỷ XVIII, năm 1701, một giáo sĩ phương Tây đi trên tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc đã viết “Paracel là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam”⁵. Năm 1820, J.B. Chaigneau, cố vấn của vua Gia Long đã viết trong hồi ký về nước Cochinchine (nước Việt Nam thời bấy giờ - theo nghĩa trong tài liệu phương Tây) rằng: “Nước Cochinchine mà nhà vua bấy giờ đã lên ngôi hoàng đế gồm xứ Cochinchine và Đông Kinh (Đông Kinh tức Đà Nẵng Ngoài)... một vài đảo có dân cư không xa bờ biển và quần đảo Paracel do những đảo nhỏ, ghèn và đá không có dân cư hợp thành...”⁶. Đáng chú ý, trong An Nam đại quốc họa đồ xuất bản

1838, Giám mục J.L.Taberđ đã vẽ một phần của Paracel và ghi “Paracel hay Cát Vàng” ở ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam, vào khu vực quần đảo Hoàng Sa hiện nay⁷. Bản đồ này là tài liệu phản ánh sự tổng kết những hiểu biết sâu sắc, khách quan của người phương Tây từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX về mối quan hệ giữa quần đảo Hoàng Sa và nước Đại Việt mà tác giả gọi là An Nam đại quốc. Trong bài “Địa lý Vương quốc Cochinchina” của Gutzlaff, đăng trên tạp chí Hội địa lý Hoàng gia Luân Đôn, tập 19, năm 1849 đã chỉ rõ, Paracels thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”⁸.

Sự kiện Pháp buộc triều đình nhà Nguyễn ký “Hiệp ước Pa-tơ-nốt ngày 6 - 6 - 1884 và nước Pháp nhân danh Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Cụ thể, các tàu chiến của Pháp thường xuyên tiến hành tuần tra trong vùng Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa, Trường Sa. Năm 1938, Pháp đã dựng bia chủ quyền, xây đèn biển, trạm khí tượng, trạm thu phát vô tuyến điện ở đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa; xây dựng trạm khí tượng, trạm thu phát vô tuyến điện ở đảo Ttu Aba trong quần đảo Trường Sa. Ngày 15 - 6 - 1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie ký Nghị định thành lập đơn vị hành chính cho quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên và đến ngày 5 - 5 - 1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie tiếp tục ký Nghị định 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành 2 đơn vị: “Croissant và các đảo phụ thuộc”, “Amphitrite và các đảo phụ thuộc”. Đây là những bằng chứng thể hiện sự tiếp nối về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này ở thời kỳ Pháp đô hộ.

Sau khi rút quân khỏi Việt Nam năm 1956, Pháp đã bàn giao cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa quản lý, bảo đảm tính liên tục thực thi chủ quyền một cách hòa bình đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Chính quyền Sài Gòn đã sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy. Trong thời gian này, Trung Quốc đã dùng vũ lực lấn lướt chiếm đóng phần phía Đông (1956) và sau đó là phần phía Tây của quần đảo Hoàng Sa (1974), chiếm toàn bộ quần đảo này. Chính quyền Sài Gòn đã kịch liệt phản đối sự xâm

chiếm này và đã thông báo cho các nước, cũng như Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Ngày 14 - 2 - 1975, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn công bố Sách trắng về các quyền lịch sử và pháp lý của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Năm 1975, khi giải phóng miền Nam, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản, tiếp tục trấn giữ quần đảo Trường Sa và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam từ năm 1976 tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam đã có từ lâu đời trên quần đảo Trường Sa.

Tư liệu lịch sử có liên quan của Trung Quốc cũng khẳng định chủ quyền về Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam. Cuốn sách Chư Phiên Chí của sử gia Triệu Nhữ Quát đời nhà Tống chép: Sau khi thôn tính Nam Việt (tên gọi Việt Nam khi đó), Hán Vũ Đế sai quân vượt biển sang chiếm đất của địch quân và đặt ra 2 quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam). Trong thế kỷ thứ I (TCN), Hán Nguyên Đế đã rút quân khỏi đảo Hải Nam. Cho đến đời nhà Lương và nhà Tùy (cuối thế kỷ thứ VI đầu thế kỷ thứ VII) mới đặt lại quyền cai trị. Tài liệu cổ này đã mô tả rõ, vùng Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa hiện nay) là nơi nguy hiểm, tàu thuyền Trung Hoa không nên đến gần, vì chỉ đi sai một chút là có thể bị đắm tàu. Tài liệu khẳng định về mặt địa lý, Vạn Lý Trường Sa không nằm ở đế quốc Trung Hoa (tức không thuộc về Trung Quốc), mà thuộc về phiên quốc Nam Việt (Việt Nam). Điều này rõ ràng đã mặc nhiên khẳng định, biên giới trên Biển Đông của Trung Hoa mà đời nhà Hán chỉ rõ là chỉ tới đảo Hải Nam.

Vào thế kỷ XVII (1696), cuốn sách Hải Ngoại Ký Sự của Hòa thượng Thích Đại Sán, Trung Quốc, được chúa Minh - Nguyễn Phúc Chu mời sang Đàng Trong thuyết pháp về đạo Phật. Trước khi về nước, Hòa thượng Thích Đại Sán đã viết “Hải Ngoại Ký Sự”, trong đó nói đến Biển Đông, Vạn Lý Trường Sa, khẳng định Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai thác các sản vật từ các tàu đắm trên quần đảo này. Đối chứng với các tài liệu lịch sử Việt Nam về hoạt động của đội Hoàng Sa cho thấy, những gì Thích Đại Sán mô tả là hoàn toàn phù hợp, khách quan, ghi nhận chủ quyền của Đại Việt đối với quần đảo Hoàng Sa.

Cùng với các ghi chép, ký sự của các sử gia, nhà nghiên cứu Trung Quốc về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa, sự minh họa của các bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung Quốc vẽ từ trước năm 1909, một lần nữa là bằng chứng thuyết phục về chủ quyền không tranh cãi của Việt Nam. Thực tế cho thấy, tất cả các bản đồ cổ của Trung Quốc vẽ trước năm 1909 đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của biên giới phía nam Trung Quốc, bao gồm: Thiên hạ Thông nhất Chi đồ đời Minh trong Đại Minh Nhất thống chí, biên vẽ năm 1461; Hoàng Minh Đại thống nhất tổng đồ đời Minh, trong Hoàng Minh Chức phương địa đồ của Trần Tổ Thụ, vẽ năm 1635; Lộ phủ Châu huyện đồ đời Nguyên, biên vẽ lại trong Kim cổ dư đồ của Nguyễn Quốc Phụ đời Minh, vẽ năm 1638; Hoàng triều Nhất thống dư địa tổng đồ trong tập Hoàng triều Nhất thống dư địa bản đồ (khuyết danh) vẽ năm 1894; Đại Thanh đế quốc trong tập Đại Thanh đế quốc toàn đồ do Thường Vụ An Thư Quán Thượng Hải, biên vẽ năm 1905...

Cùng với sử liệu cổ của Việt Nam, quốc tế và của Trung Quốc, các điều ước quốc tế có liên quan lại thêm một bằng chứng nữa về chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam được thế giới xác nhận. Hội nghị Tam cường (Anh, Mỹ, Trung Quốc) tại Ai Cập ra tuyên bố Cai-rô ngày 27 - 11 - 1943, trong đó nhấn mạnh: "Nhật Bản phải bị loại bỏ ra khỏi tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 và tất cả những lãnh thổ Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc như Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ sẽ được trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa"⁹. Như vậy, Tuyên bố Cai-rô khẳng định ý chí của các cường quốc buộc Nhật Bản phải trao trả các lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm đóng của Trung Quốc gồm "Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ", không có gì liên quan đến quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Điều này có nghĩa là Tuyên bố Cai-rô đã gián tiếp khẳng định quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa không thuộc về Trung Quốc.

Tại Hội nghị San Francisco ngày 7 - 9 - 1951, trước đại diện của 51 nước tham dự (trong đó có Trung Quốc), Trường đoàn đại biểu chính quyền

Bảo Đại Trần Văn Hữu đã tuyên bố, từ lâu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là bộ phận không tách rời của lãnh thổ Việt Nam và "cũng vì cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm móng các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, những quần đảo luôn luôn thuộc về Việt Nam"¹⁰. Tuyên bố trên của đại diện Việt Nam tại Hội nghị đã không có bất cứ một đại diện nào của 51 quốc gia tham dự Hội nghị phản đối hoặc bảo lưu.

Có thể khẳng định, từ các tư liệu lịch sử, pháp lý của Việt Nam, quốc tế và của chính các học giả Trung Quốc; từ những tư liệu chính thức của nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ, Nhà nước Pháp, các văn kiện pháp lý quốc tế, từ tuyên bố Cai-rô 1943 đến Hòa ước San Francisco 1951 đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

3. Quan điểm, chính sách nhất quán của Việt Nam về chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Nối tiếp các quan điểm, chính sách trong thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của các triều đại phong kiến, các thể chế chính trị xã hội Việt Nam trong lịch sử và dựa trên luật pháp quốc tế có liên quan, ngay sau khi thống nhất đất nước, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội Việt Nam khóa VI (2-7-1976) đã khẳng định: Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoàn toàn có nghĩa vụ, quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tiếp sau đó là hàng loạt các tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong nhiều văn bản pháp luật, như Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam ngày 12 - 5 - 1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam; Tuyên bố ngày 12 - 11 - 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam đều khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, có các vùng biển riêng được quy định cụ thể trong các văn bản sau đó; Luật Biên giới quốc gia năm 2003 và Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25 - 6 - 2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

Biên giới quốc gia 2003; Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 - 6 - 2005; Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 - 7 - 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải...

Về quản lý hành chính, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản như Quyết định số 194/HĐBT ngày 9 - 12 - 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc *Thành lập huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, phiên họp thứ 4 ngày 28 - 12 - 1982, đã sáp nhập huyện đảo Trường Sa của tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong các công hàm gửi các bên có liên quan; các tuyên bố của Bộ Ngoại giao; trong các hội nghị của Tổ chức Khí tượng thế giới ở Geneva (6 - 1980), của Đại hội Địa chất thế giới ở Paris (7 - 1980)... Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần công bố "Sách trắng" vào các năm 1979, 1981 và 1988 về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, khẳng định hai quần đảo này là một bộ phận không tách rời lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế. Tháng 4 - 2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, năm 1994, Việt Nam đã gia nhập Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Trong văn bản gia nhập Công ước này, Việt Nam đã khẳng định chủ quyền quốc gia đối với vùng nội thủy và vùng lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Việc gia nhập UNCLOS 1982 đối với Việt Nam là vô cùng quan trọng, vì từ thời điểm đó mọi vấn đề tranh chấp trên biển, về vùng chồng lấn trên biển và thềm lục địa ở Biển Đông sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của UNCLOS 1982 và

các văn bản quốc tế hiện hành có liên quan. Trong Nghị quyết phê chuẩn văn bản gia nhập UNCLOS 1982 của Quốc hội Việt Nam ngày 23 - 6 - 1994 đã ghi nhận rằng, mọi tranh chấp đối với các vùng biển, đặc biệt là vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, sẽ được giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hiếu biêt, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển.

Ngày 25 - 11 - 2011, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa 13, trước các đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã tuyên bố: "Việt Nam có đủ căn cứ pháp lý và lịch sử khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam"¹¹. Lời khẳng định của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam một lần nữa cho thấy, lập trường nhất quán của nước ta trong việc bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Có thể thấy, từ khi thống nhất đất nước đến nay, Việt Nam luôn có quan điểm nhất quán, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chủ quyền của mình một cách liên tục và hòa bình cho đến khi bị các lực lượng vũ trang nước ngoài xâm chiếm. Như vậy, chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là bất biến, song theo luật pháp quốc tế có liên quan, chính sách của Việt Nam luôn linh hoạt trong đấu tranh khẳng định chủ quyền và đã có một số điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Về quan điểm đối với các vùng biển, Việt Nam có chủ quyền đối với các vùng nội thủy và lãnh hải tính từ đường cơ sở và có quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa, cả đoạn 200 hải lý và đoạn kéo dài như các báo cáo ranh giới ngoài của riêng Việt Nam và báo cáo chung giữa Việt Nam và Malaysia. Liên quan quy chế pháp lý của các vị trí (hình thái địa chất) ở Hoàng Sa, Trường Sa, qua các báo cáo ranh giới ngoài, nhiều học giả kết luận, Việt Nam không coi các vị trí ở Hoàng Sa, Trường Sa là các đảo và do đó không có các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mà chỉ có tối đa 12 hải lý lãnh hải. Đây là bước điều chỉnh trong quan điểm của Việt Nam đối với các vùng biển và cũng phù hợp với UNCLOS

1982. Thực tế, các vị trí nói chung ở Hoàng Sa, Trường Sa đa số không có đời sống kinh tế riêng, nên theo UNCLOS 1982, chúng không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Hầu như các nước ASEAN ven Biển Đông đều thống nhất với quan điểm này. Nó tạo thành lập trường chung của ASEAN. Quan điểm trên không tương đồng với quan điểm của Trung Quốc.

Với quan điểm nhất quán, Việt Nam luôn phản đối những hành vi vi phạm của phía Trung Quốc đối với các vùng biển, đảo của Việt Nam, trên cơ sở luật pháp quốc tế. Sau khi chiếm Hoàng Sa (năm 1974), đảo Gạc Ma (năm 1988)¹², Trung Quốc tiếp tục đưa ra những yêu sách đòi chủ quyền phi lý như công khai hóa đường “chữ U” (đường 9 đoạn) trong công hàm gửi Liên Hiệp Quốc năm 2009, đặt trái phép giàn khoan HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa của Việt Nam (5 - 2014), đưa tàu khảo sát Hải Dương 8 vào vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam (từ tháng 7 - 2019)... Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp giao thiệp ngoại giao phù hợp, gửi Công hàm lên Liên Hiệp Quốc phản đối Công hàm có bản đồ “đường chín đoạn” của Trung Quốc, trong đó nêu rõ *Tuyên bố đường chín đoạn trên bản đồ gửi kèm theo Công hàm ngoại giao của Trung Quốc là vô giá trị và không có hiệu lực vì nó không có cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tế*. Trao công hàm phản đối cho phía Trung Quốc, yêu cầu rút ngay giàn khoan HD 981 cũng như tàu khảo sát Hải Dương 8 khỏi vùng EEZ và thềm lục địa của Việt Nam. Các lực lượng chức năng của Việt Nam đã triển khai các biện pháp phù hợp, đúng pháp luật. Việt Nam khẳng định kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đã được xác lập tại UNCLOS 1982 bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Thực tiễn lịch sử và hiện nay đã cho thấy, với các nguồn tư liệu lịch sử, pháp lý dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế có liên quan đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Vì thế, quan điểm, chính sách nhất quán của Việt Nam trong đấu tranh khẳng định chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là: kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ tại hai

quần đảo này, dựa trên luật pháp quốc tế. Đối với các bất đồng, tranh chấp, chủ trương của Đảng, Nhà nước Việt Nam là không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm sớm tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên, tiến tới xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hợp tác và phát triển.

1. Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan.
2. Bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp như Lazaro Luis, Fernão Vaz Dourado, Willem Jansz Blaeu, Jacob Aertsz Colom, Hendrick Doncker, Frederich De Wit Pietre du Val...
3. Trung tâm lưu trữ Quốc gia I: Châu bản triều Nguyễn, (18, Vũ Phạm Hàm, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).
4. Mộc Bản triều Nguyễn, Trung tâm lưu trữ Quốc gia, Đà Lạt, Lâm Đồng.
5. Trích theo J.Y.C “Bí mật các đảo san hô-nhật ký về cuộc hành trình đến Trường Sa”. (Mystere des atolls - Journal de voyage aux Paracels), tuần báo “Đông Dương” (Indochine), các số ngày 3, 10, 17 - 7 - 1941.
6. A.Salles: *Hồi ký về nước Cochinchine* của J.B. Chaigneau (Le mesmoire sur la Cochinchine de J.B. Chaigneau), tạp chí của những người bạn thành Huế cổ (Bulletin des amis du vieux Hué), số 2 năm 1923, tr. 257.
7. Đính trong cuốn “Từ điển La tinh - Việt Nam”(Dictionary Latino - Anamiticum), 1838.
8. “Địa lý của vương quốc Cochinchina” (Geography of the Cochinchina Empire), “Tạp chí Hội địa lý Hoàng gia Luân Đôn” (The Journal Geography of London), t. 19, 1849, tr. 93.
9. Hội nghị Cai-rô và Têheran 1943: *Văn kiện Bộ Ngoại Giao Mỹ*, 1961 - Washington, , tr. 448.
10. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 12 - 1951, Hội nghị ký Hòa ước với Nhật Bản, tr. 236.
11. Trần Công Trục (Chủ biên): *Dấu ấn của Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb Thông tin và truyền thông, H, 2012, tr. 78.
12. GS Vũ Dương Ninh: *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb CTQG, H, 2014, tr. 331.